TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2023/DS-PT

Ngày: 28 - 6 - 2023

V/v tranh chấp *"Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Ông **Võ Trung Hiếu**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **Phan Thị Thanh Xuân -** Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 146/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 12/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 616/2023/QĐ-PT ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Cụ **Võ Văn T**, sinh năm 1937,

1.2. Cụ **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của cụ T, cụ N: Ông **Võ Huy T1**, sinh năm 1955, địa chỉ: Số ½ đường C, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Võ Thanh T2**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh T2: Ông **Võ Văn N1**, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2022) (có mặt).

3. Người làm chứng:

1. Bà Võ Thu T3, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Võ Văn R, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Võ Thị Thu S, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Võ Thị Thu N2, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Võ Thị Thu L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Võ Thị Thu P, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Võ Thị Thu P1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Võ Thị Thu P2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: bị đơn anh Võ Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/3/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông T1 trình bày:*

Vợ chồng cụ T, cụ N có thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/3/2020, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS02913, do cụ Võ Văn T đứng tên.

Vợ chồng cụ T, cụ N có nguyện vọng để thừa kế thửa đất nêu trên cho cháu nội tên Võ Thanh T2, nên cụ T, cụ N đưa giấy tờ đất và nhờ anh T2 liên hệ với Ủy ban nhân dân xã M, huyện C làm di chúc với nội dung: Khi nào vợ chồng cụ T, cụ N chết thì anh T2 được thừa kế thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, anh T2 không làm di chúc mà lại

làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện. Vì tin tưởng cháu nội là anh T2, nên cụ T, cụ N đã ký tên, lăn tay mà không xem nội dung.

Gần đây, cụ T, cụ N yêu cầu anh T2 trả lại lấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao bản di chúc, thì anh T2 mới thừa nhận đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CS03095, cấp ngày 26/6/2020, do anh Võ Thanh T2 đứng tên.

Hợp đồng tặng cho ngày 05/6/2020 có điều kiện anh T2 phải chăm sóc, phụng dưỡng cụ T, cụ N cho đến khi qua đời. Như vậy khi cụ T, cụ N chết, anh T2 mới được quyền sử dụng tài sản. Tuy nhiên từ sau khi ký hợp đồng cho đến nay, anh T2 đã vi phạm. Trong lúc cụ T, cụ N vẫn còn sống, thì anh T2 đã làm thủ tục sang tên và hiện nay anh T2 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ T, cụ N hiện nay sống một mình, anh T2 không hề chăm sóc, phụng dưỡng nên yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu.

Việc anh T2 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, đối với thửa đất do cụ T, cụ N đứng tên là trái với ý chí của vợ chồng cụ T, cụ N, tước đi quyền tài sản của chủ sử dụng đất khi cụ T, cụ N còn đang sống. Cụ T, cụ N cho rằng hợp đồng được ký kết có sự nhầm lẫn do bị lừa dối, nên hợp đồng này là vô hiệu.

Nay cụ T, cụ N yêu cầu Tòa án xem xét, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T, cụ Huỳnh Thị N và anh Võ Thanh T2, đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo hợp đồng chứng thực quyển số 01/2020-STC,GD ngày 05/6/2020 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C chứng thực là vô hiệu.

Yêu cầu Tòa án kiến nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m² , tại ấp M, xã M, huyện C, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03095, cấp ngày 26/6/2020, do anh Võ Thanh T2 đứng tên, để cụ T, cụ N được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Tại bản tự khai ngày 02/11/2022 của của bị đơn anh T2, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông N1 trình bày:*

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì trước khi làm thủ tục tặng cho, gia đình đã họp mặt thống nhất di chúc lại cho cháu nội là anh T2, các cô bác cũng đã thống nhất ý kiến thừa kế lại cho anh T2. Khi ra Ủy ban nhân dân xã M, huyện C thì cụ T, cụ N làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đứng tên cá nhân. Sau đó, làm hợp đồng tặng cho anh T2, trước khi cụ T, cụ N ký cũng có họp mặt gia đình và các cô bác đều đồng ý. Anh T2 đã thực

hiện đúng như hợp đồng tặng cho, không vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng cụ T, cụ N. Việc cụ T, cụ N yêu cầu hủy hợp đồng do bị nhầm lẫn, lừa dối là hoàn toàn bịa đặt nên yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh T2 thống nhất với lời trình bày của ông N1.

** Tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng ông R trình bày:* Ông là con ruột của cụ T, cụ N, cha mẹ ông có 09 người con.

Sau khi chia đất cho 09 người con ruột xong, cha mẹ của ông còn chừa lại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C để dưỡng già khi còn sống. Để đề phòng sau này tranh chấp thửa đất nêu trên, nên trong năm 2020, cha, mẹ của ông gọi các con về gặp mặt để bàn làm di chúc để lại thửa đất 161 nêu trên cho cháu nội tên là Võ Thanh T2 (Con của ông N1). Tại cuộc gặp mặt, cả gia đình đồng ý với ý nguyện của cha mẹ và giao cho anh T2 đi làm di chúc. Cụ T, cụ N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T2 đi làm di chúc và có ký tên vào văn bản do anh T2 lập. Tuy nhiên, ông không biết anh T2 có làm Di chúc không, nhưng sau đó anh T2 lại có Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của thửa đất trên. Ông và anh chị em nghi ngờ Hợp đồng tặng cho ngày 05/6/2020 giữa cụ T, cụ N và Võ Thanh T2 là giả mạo. Về việc tặng cho, nội dung hợp đồng thể hiện việc tặng cho có điều kiện: Anh T2 phải chăm sóc, phụng dưỡng cụ T, cụ N cho đến khi qua đời. Như vậy khi cụ T, cụ N chết, anh T2 mới được quyền sử dụng tài sản. Tuy nhiên từ sau khi ký hợp đồng cho đến nay, anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, phụng dưỡng. Trong lúc cha mẹ của ông vẫn còn sống, thì anh T2 đã làm thủ tục sang tên và hiện nay anh T2 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Cha mẹ của ông hiện nay sống một mình, anh T2 không hề chăm sóc, phụng dưỡng nên yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu.

** Tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng bà T3, bà S, bà N2, bà L, bà P và bà P2 trình bày thống nhất với lời trình bày của ông R.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: các Điều 117, 120, 122, 126, 457, 462, 500 và 502 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Võ Văn T và cụ Huỳnh Thị N.

2. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T, cụ Huỳnh Thị N và anh Võ Thanh T2, đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo số chứng thực 321, quyển số 01/2020-STC/HĐ,GD ngày 05/6/2020, do ông Trần Văn T4, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện C chứng thực là vô hiệu.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03095, cấp ngày 26/6/2020, do anh Võ Thanh T2 đứng tên, để cụ T, cụ N được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí: Anh Võ Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 24 tháng 4 năm 2023, bị đơn anh Võ Thanh T2 có đơn kháng yêu cầu yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền bị đơn ông Võ Văn N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Huy T1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Thanh T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 12/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T, cụ N yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T, cụ Huỳnh Thị N và anh Võ Thanh T2, đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo số chứng thực 321, quyển số 01/2020-STC/HĐ,GD ngày 05/6/2020, do ông Trần Văn T4, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện C chứng thực là vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp *"Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"* theo quy định tại Điều 500, Điều 502 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 12/4/2023 Tòa án huyện Cai Lậy ban hành bản án số 42/2023/DS-ST. Ngày 24/4/2023, bị đơn anh Võ Thanh T2 nộp đơn kháng cáo cùng biên lai tạm ứng án phí. Như vậy, kháng cáo của bị đơn còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo:

[3.1]. Xét về nguồn gốc đất: Cụ T, cụ N có thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hai cụ có ý định cho cháu nội là anh T2 nên đã họp mặt tất cả các con để thông báo ý nguyện của mình và được các con thống nhất nên đã giao cho anh T2 đi làm di chúc, điều này được nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng thừa nhận.

[3.2]. Về di chúc: Anh T2 không làm di chúc mà làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện. Vì tin tưởng cháu nội là anh T2 nên cụ T, cụ N đã ký tên, điểm chỉ mà không xem nội dung và cũng không ai đọc lại cho hai cụ nghe. Anh T2 thì cho rằng trước khi đi làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, có sự thống nhất của cụ T, cụ N và các con cụ T, cụ N nhưng việc này không được cụ T, cụ N, các con của hai cụ thừa nhận và anh T2 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày trên. Như vậy, cụ T, cụ N đã nhầm lẫn khi ký tên, điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, làm cho cụ T, cụ N không đạt được mục đích của việc xác lập di chúc nên cụ T, cụ N có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 126 của Bộ luật dân sự.

[3.3]. Về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất: Anh T2 đã vi phạm điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng tặng cho có kiện. Tại thời điểm giao kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì anh T2 không ở chung với cụ T, cụ N nên điều kiện chăm sóc, phụng dưỡng chu đáo cụ T, cụ N cho đến khi qua đời được ghi tại khoản 1 Điều 2 của hợp đồng không thể thực hiện được vì thực tế qua lời trình bày của cụ T, cụ N cùng những người làm chứng thì cụ T, cụ N sống chung với nhau, không ai chăm sóc, phụng dưỡng. Tại khoản 2 Điều 2 của hợp đồng thể hiện khi cụ T, cụ N qua đời thì anh T2 mới được toàn quyền sử dụng toàn bộ tài sản của cụ T, cụ N nhưng anh T2 đã làm thủ tục chuyển quyền

sử dụng đất từ cụ T, cụ N sang tên của anh T2 là vi phạm điều kiện của hợp đồng. Mặt khác, cụ N là người không biết đọc, không biết viết, nhưng khi Ủy ban nhân dân xã M, huyện C thực hiện chứng thực không có hai người làm chứng là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

[3.4] Từ phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ T cụ N là có căn cứ.

[4]. Bị đơn anh Võ Thanh T2 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Thanh T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 120, 122, 126, 457, 462, 500 và 502 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Võ Thanh T2; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 12/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Võ Văn T và cụ Huỳnh Thị N.

2. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Võ Văn T, cụ Huỳnh Thị N và anh Võ Thanh T2, đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo số chứng thực 321, quyển số 01/2020-STC/HĐ, GD ngày 05/6/2020, do ông Trần Văn T4, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện C chứng thực là vô hiệu.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 21, diện tích 4.378,7m², tại ấp M, xã M, huyện C, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS03095, cấp ngày

26/6/2020, do anh Võ Thanh T2 đứng tên, để cụ T, cụ N được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Võ Thanh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017512 ngày 24/4/2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 14 giờ 25 phúc ngày 28 tháng 6 năm 2023, có mặt ông T1, ông N1 và anh T2.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính